TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 610/2018/HSPT
Ngày: 12/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Tất Nam.

***Thư ký phiên tòa**:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa**:* Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2018/TL-PT ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Tự H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

****Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Tự H, sinh năm 1976 tại P; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu 7, xã K, huyện H, tỉnh P; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; con ông (không xác định được cha), con bà: Nguyễn Thị N; có vợ là Khúc Thị A và 02 (Con lớn sinh năm 2007 và con bé sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2016 cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án có bị cáo khác và người bị hại không kháng cáo tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khúc Thị A là người làm giúp việc cho gia đình ông Nguyễn Văn N (Sinh năm 1930, trú tại số 3, ngõ 15, phố B, phường B, quận T, Hà Nội); quá trình làm

việc A biết ông N có tài sản được cất trong tủ (có khóa) để ở phòng ngủ của ông N. Khoảng 16h ngày 18/10/2016, khi vào dọn dẹp trong phòng ngủ của ông N, A thấy chùm chìa khóa ông N thường sử dụng (trong đó có chìa khóa tủ) đang để trên mặt bàn; lợi dụng lúc đó không có ai A đã lấy chùm chìa khóa mở tủ của ông N. Khi mở tủ, A thấy có 01 chiếc cặp da màu nâu, thấy bên trong có 01 túi nilon đựng tiền; A đã rút ra 07 tập tiền USD (Đôla Mỹ trong đó có 01 tập mỏng hơn 06 tập còn lại) và 02 tập tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000đồng; sau khi lấy xong, A đã cất chiếc cặp vào vị trí cũ, khóa tủ lại và cầm số tiền lấy được đem lên phòng ngủ của A trên tầng 4 cất vào tủ để đồ của gia đình ông N (tủ không sử dụng). Đến khoảng 20h cùng ngày, A đã điện thoại cho Nguyễn Tự H (chồng của A) đang ở quê và nói với H "A vừa làm được việc lớn, vừa lấy được một số tiền lớn bảo H xuống Hà Nội để mang tiền về", H đồng ý. Ngày 22/10/2016, H đi xe khách từ quê ở huyện H, tỉnh P xuống bến xe Mỹ Đình và điện thoại cho A; sau khi nhận được điện thoại của A, H đã đến Hà Nội và đang ở ngoài ngõ 15 phố Bùi Ngọc Dương, A đã để toàn bộ số tiền trộm cắp của ông N vào túi nilon mang ra gặp H để đưa bọc tiền cho H; A bảo H đem về cất đi, mấy ngày nữa A sẽ xin phép nhà chủ nghỉ để về quê.

Đến ngày 25/10/2016, A xin nghỉ việc và về nhà, sau khi ăn cơm tối xong A và H cùng mở bọc tiền ra kiểm tra gồm có: 07 tập tiền USD (Đôla Mỹ) mệnh giá 100USD (trong đó có 01 tập mỏng hơn 06 tập còn lại) và 02 tập tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng tương đương 100.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2016, H đã chở A bằng xe máy xuống thị trấn Hạ H, huyện Hạ H, tỉnh P, A mang theo 01 tập USD mỏng hơn trong số 07 tập USD, A trực tiếp vào bán tại cửa hàng vàng bạc Q (H không vào cùng A mà đứng chờ bên ngoài), chủ cửa hàng là chị Ngô Thị Kim L (Trú tại: Khu 8, thị trấn H, tỉnh P) được số tiền hơn 100.000.000đồng. Sau đó, A và H đã đi xe máy xuống huyện T, tỉnh P mua của anh Nguyễn Mạnh K (Trú tại: khu 6, Vụ C, Hạ H, tỉnh P) 01 xe máy SH màu đỏ (đã qua sử dụng) BKS:19K1-175.xx, SK:4217DY096xxx, SM: 42E0096xxx với giá 67.000.000 đồng (Đăng ký xe mang tên Tạ Thị T ở xã Y, huyện T, tỉnh P); A là người làm thủ tục mua bán và trả tiền, H là người xem xe. Khoảng ngày 04/11/2016, A đem 02 tập tiền USD đến tiệm vàng Q bán 19.800USD được số tiền 440.000.000 đồng. Sau đó, A đem toàn bộ số tiền gồm 600.000.000 đồng và 04 tập tiền USD cất vào 01 túi nilon. Đến tối ngày 08/11/2016, A và H đã đem số tiền trộm cắp chôn xuống đất ở khu vực vườn phía sau nhà để tránh sự phát hiện của Cơ quan công an.

Sau khi phát hiện bị mất số tiền 65.000USD (Đôla Mỹ) và 100.000.000 đồng, ngày 07/11/2016 ông Nguyễn Văn N đã đến trình báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra, ngày 11/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra lệnh bắt khẩn cấp Khúc Thị A và Nguyễn Tự H về hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T đã ra lệnh

khám xét khẩn cấp thu giữ được tổng số tiền 37.100USD, 600.000.000 đồng và 01 xe máy SH BKS: 19K1-175.xx.

Quá trình điều tra, các bị cáo A, H thay đổi lời khai: Khúc Thị A khai (BL113-122): Ngày 22/10/2016, A có điện thoại cho H lên Hà Nội gặp A để cầm tiền về; tại thời điểm này, A cũng không nói cho H biết về nguồn gốc số tiền đồng thời H cũng không hỏi. Sau đó, đến trưa ngày 22/10/2016, lúc đó có con trai ông N là anh T đang có nhà nên A không thể đem bọc tiền ra đưa cho H đem về được, nên A đã điện thoại lại cho H nói không ra gặp H được. Ngày 25/10/2016, A lấy lý do mẹ chồng ở quê bị ốm để xin phép gia đình ông N cho nghỉ việc về quê; ngày 25/10/2016, A về quê bằng xe khách có đem theo số tiền trộm cắp về. Đến tối cùng ngày, A xuống bếp lấy bọc tiền ra kiểm tra và đếm sau đó cất vào trong hòm áo quan của mẹ chồng A (mua sẵn) rồi đi lên nhà trên gặp H, nói với H là vừa lấy trộm được tiền của nhà ông chủ trên Hà Nội nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu tiền, H cũng không xem bọc tiền trộm cắp của A; H nói với A "là việc của mẹ mày thì kệ mẹ mày". Ngày 28/10/2016, A thấy H đi ra chợ nên nhờ H chở đi cùng, A không nói với H mục đích đi chợ để làm gì, H cũng không hỏi A; khi đến cổng chợ, A xuống xe vào hiệu vàng Q còn H đi đâu A không biết; đổi tiền xong, A ra gặp H chở về nhà. Khoảng 2 ngày sau, A nói với H là có tiền mua xe máy, H đã chở A đi mua xe SH, BKS:19K1- 175.xx với giá 67.000.000 đồng; việc mua bán xe máy do A trực tiếp thực hiện, H không tham gia. Ngày 04/11/1016, A đem bán thêm 02 cọc tiền 19.800USD = 440.000.000 đồng (H không biết và không tham gia). Sau khi nhận được thông báo của cơ quan Công an, A đã đem bọc tiền chôn ở bụi chuối ngoài vườn phía sau nhà, khi A đang chôn tiền thì H có nhìn thấy nhưng không nói gì.

Nguyễn Tự H khai (BL169 - 174):

Ngày 18/10/2016, A có điện thoại cho H chỉ hỏi thăm tình hình gia đình ngoài ra không nói chuyện gì khác. Ngày 22/10/2016, H không lên Hà Nội gặp A. Ngày 23/10/2016, H điện thoại cho A bảo mẹ H bị ốm; A cho H số điện thoại của chủ nhà để H điện thoại xin phép cho A về quê. Ngày 25/10/2016, A điện thoại cho H bảo chiều ra bến xe đón A. Ngày 26, 27/10/2016, H thấy A có nhiều tiền nên hỏi, A nói cho H biết đây là tiền trộm cắp của chủ nhà trên Hà Nội, H cũng không hỏi cụ thể số tiền là bao nhiêu, cũng không xem. Sau đó, H chở A đến tiệm vàng Q để đổi tiền nhưng H không vào, đứng bên ngoài chờ. Khi đi mua xe máy thì H chở A đi, việc mua bán trả tiền xe do A trực tiếp trao đổi với người bán xe, H không tham gia. Ngày 8/11/2016, khi Cơ quan Công an triệu tập thì H không có nhà. Ngày 9/11/2016, khi đi cùng A lên Công an, A đã nói cho H biết tiền chôn ở gốc chuối sau vườn.

Quá trình điều tra tại biên bản hỏi cung ngày 21/2/2017 (BL 246, 248), Nguyễn Tự H khai: Có chở A đến tiệm vàng Q để đổi tiền, cụ thể A đã đổi bao nhiêu tiền USD (Đô la Mỹ) thì H không biết. H khai: sau khi biết vợ trộm cắp được một số tiền đáng lẽ ra phải khuyên vợ mang trả cho nhà chủ nhưng H lại

cùng với A đi đổi tiền và cùng vợ đi mua xe máy. H chở A đi mua xe và là người trực tiếp xem xe cho A.

Căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Đôla Mỹ và đồng Việt Nam ngày 18/10/2016 của Ngân hàng Nhà nước cung cấp 1USD = 22.020,00VND. Tổng số tiền của ông Nguyễn Văn N (bị hại) bị mất trộm ngày 18/10/2016 là 1.531.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi mốt triệu đồng).

Quá trình khám xét khẩn cấp thu giữ tại nhà Khúc Thị A số tiền 37.100USD, 600.000.000 đồng Việt Nam và 01 xe máy SH BKS: 19K1 - 175.xx.

Về dân sự: Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Nguyễn Thanh T (Là con trai của ông Nguyễn Văn N), anh T đã được ủy quyền làm đại diện trước pháp luật cho ông Nguyễn Văn N số tiền 37.100USD (Đô la Mỹ), 600.000.000 đồng và 01 xe máy thu giữ của Khúc Thị A; anh T và ông N đã nhận đủ tài sản không có đề nghị gì khác.

Đối với chị Ngô Thị Kim L đã có hành vi mua ngoại tệ (USD) của Khúc Thị A nhưng không biết đó là tiền do A trộm cắp; do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách rút tài liệu chuyển hồ sơ liên quan đến Cục thanh tra, giám sát Ngân hàng để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với anh Nguyễn Mạnh K là người đã bán chiếc xe máy SH cho Khúc Thị A, anh K không biết tiền do A sử dụng để mua xe máy của anh K là tiền do A trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tự H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2009; Khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Tự H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2018, bị cáo Nguyễn Tự H kháng cáo nội dung: Mức án tòa án tuyên quá nặng so với hành vi phạm tội. Ngày 21/3/2018, bị cáo có đơn kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tự H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo, bị cáo không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", nếu có phạm tội thì chỉ phạm tội "Không tố giác tội phạm".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tặng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2009 là đúng pháp luật và mức hình phạt 06 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tự H không khai nhận hành vi phạm tội của mình; nhưng căn cứ vào các lời khai ban đầu của bị cáo tại Cơ quan điều tra đều khai nhận có biết vợ trộm cắp được tiền của chủ nhà; bị cáo có đưa vợ đi đổi USD và đi mua xe máy; cùng vợ chôn tiền khi bị Cơ quan Công an mời đến làm việc. Những lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với các lời khai của bị cáo Khúc Thị A (là vợ của bị cáo H) tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai ban đầu của các bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp đơn trình báo của bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của nhân chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo Nguyễn Tự H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan. Bị cáo kêu oan về tội danh là không có cơ sở.

[2]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Tự H là rất nghiêm trọng, không những chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an an toàn xã hội. Cần phải có mức hình phạt tù thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo thành người lương thiện và đấu tranh phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự H, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Tự H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2009; đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử bị cáo mức hình phạt 06 năm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Tự H cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tự H; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tự H phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2009; Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Tự H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2016.

Bị cáo Nguyễn Tự H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I- TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tp Hà Nội;
- Cục THA dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình